



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1832/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2022
của các sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án "Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi";

Căn cứ Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ - Cơ quan Thường trực Hội đồng đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố năm 2022 tại Công văn số 2168/SNV-CCHC ngày 27/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) năm 2022 của các sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

(Chi tiết tại các Biểu 1, 2, 3, 4, 5, 6; Phụ lục 1a, 2a kèm theo)

Điều 2. Căn cứ kết quả Chỉ số CCHC năm 2022, các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức quán triệt, nghiêm túc rút kinh nghiệm, có giải pháp cụ thể khắc phục những tồn tại, hạn chế về công tác CCHC năm 2022 để cải thiện Chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương trong những năm tiếp theo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ CCHC - Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Đài PTTH Quảng Ngãi;
- Báo Quảng Ngãi;
- VPUB: PCVP, các phòng, CBTH;
- Lưu: VT, TTHC.



CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh



**QUẢ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 1832/QĐ-UBND ngày 30/12/2022
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

STT	Tên đơn vị	Kết quả đánh giá năm 2022				
		Điểm tự đánh giá của huyện, thành phố (tối đa 74 điểm)	Điểm UBND tỉnh thẩm định (tối đa 74 điểm)	Điểm điều tra XHH (tối đa 26 điểm)	Tổng điểm đạt được (tối đa 100 điểm)	Thứ hạng đạt được
1	Huyện Tư Nghĩa	71.48	67.05	19.91	86.96	1
2	Huyện Bình Sơn	65.60	60.39	22.16	82.55	2
3	Huyện Trà Bồng	71.12	65.21	16.33	81.54	3
4	Huyện Mộ Đức	69.25	64.88	16.12	81.00	4
5	Huyện Sơn Hà	68.31	63.01	16.37	79.38	5
6	Thị xã Đức Phổ	69.22	63.48	15.87	79.35	6
7	Huyện Minh Long	67.75	62.11	17.00	79.11	7
8	Thành phố Quảng Ngãi	62.93	60.69	16.66	77.35	8
9	Huyện Nghĩa Hành	73.49	61.77	15.08	76.85	9
10	Huyện Lý Sơn	69.30	55.57	20.00	75.57	10
11	Huyện Sơn Tịnh	67.74	60.36	15.04	75.40	11
12	Huyện Sơn Tây	66.55	59.88	15.00	74.88	12
13	Huyện Ba Tơ	74.00	54.87	17.79	72.66	13
Điểm trung bình		68.98	61.48	17.18	78.66	

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu 06

HỢP KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2022
CỦA UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ CHIA THEO TỪNG LĨNH VỰC
Được kèm theo Quyết định số 1832/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh

Điểm UBND tỉnh đánh giá các lĩnh vực

Stt	UBND huyện, thị xã, thành phố/Lĩnh vực	Công tác chỉ đạo điều hành CGHC (tối đa 9,5 điểm)		XD và tổ chức thực hiện văn bản QPPL (tối đa 5 điểm)		Cải cách thủ tục hành chính (tối đa 14,5 điểm)		Cải cách tổ chức bộ máy hành chính (tối đa 7,5 điểm)		XD và nâng cao chất lượng đội ngũ CB, CC, VC (tối đa 11 điểm)		Cải cách tài chính công (tối đa 10,5 điểm)		Hiện đại hóa nền hành chính (tối đa 11 điểm)		Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển KT - XH (tối đa 5 điểm)		Tổng điểm đánh giá 8 lĩnh vực (tối đa 74 điểm)		Điểm điều tra XHH (tối đa 26 điểm)	Tổng cộng điểm đánh giá và điều tra XHH (tối đa 100 điểm)	xếp hạng
		Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ			
1	Tur Nghĩa	9.50	1	4.90	5	13.73	5	7.50	1	10.00	1	8.12	2	8.80	6	4.50	1	67.05	1	19.91	86.96	1
2	Bình Sơn	7.68	5	4.50	10	13.12	8	6.31	13	8.90	7	7.63	5	7.75	11	4.50	1	60.39	9	22.16	82.55	2
3	Tra Bông	8.50	4	5.00	1	14.48	1	7.50	1	9.40	5	8.30	1	9.83	1	2.20	12	65.21	2	16.33	81.54	3
4	Mộ Đức	9.00	3	4.90	5	13.50	7	7.50	1	9.90	2	7.67	4	8.41	9	4.00	4	64.88	3	16.12	81.00	4
5	Sơn Hà	7.38	8	4.50	10	14.19	3	7.50	1	8.90	7	7.06	11	8.98	4	4.50	1	63.01	6	16.37	79.38	5
6	Đức Phổ	7.00	9	4.90	5	14.21	2	7.50	1	8.90	7	8.12	2	9.35	3	3.50	7	63.48	4	15.87	79.35	6
7	Minh Long	7.50	6	5.00	1	13.11	9	7.00	10	9.50	4	7.07	9	8.93	5	4.00	4	62.11	7	17.00	79.11	7
8	Quảng Ngãi	6.46	12	4.90	5	13.72	6	7.00	10	8.90	7	6.66	13	9.55	2	3.50	7	60.69	8	16.66	77.35	8
9	Nghĩa Hành	7.47	7	5.00	1	13.96	4	7.50	1	8.90	7	6.94	12	8.50	7	3.50	7	61.77	5	15.08	76.85	9
10	Lý Sơn	5.08	13	3.50	13	13.00	10	7.50	1	9.90	2	7.09	8	7.00	13	2.50	11	55.57	12	20.00	75.57	10
11	Sơn Tịnh	7.00	9	5.00	1	12.92	11	7.50	1	8.90	7	7.07	9	7.97	10	4.00	4	60.36	10	15.04	75.40	11
12	Sơn Tây	9.50	1	4.90	5	11.18	12	7.50	1	9.40	5	7.20	7	7.20	12	3.00	10	59.88	11	15.00	74.88	12
13	Ba Tơ	7.00	9	4.50	10	10.25	13	7.00	10	8.40	13	7.27	6	8.45	8	2.00	13	54.87	13	17.79	72.66	13
Điểm trung bình		7.62		4.73		13.18		7.29		9.22		7.40		8.52		3.52		61.48		17.18	78.66	